

Số: 1669 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 7 năm 2014

### QUYẾT ĐỊNH

V/v tạm ứng kinh phí cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND & UBND, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11, ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP, ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước; Thông tư số 59/2003/TT-BTC, ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BXD ngày 01/7/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 98/2013/TT-BTC ngày 24/7/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở; Công văn số 901/BXD-QLN ngày 08/5/2014 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 287/TTr-STC, ngày 04/7/2014;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giải quyết chi tạm ứng từ nguồn ngân sách cấp tỉnh năm 2014 cho các huyện, thị xã, thành phố, với tổng số tiền: 20.243 triệu đồng (Hai mươi tỷ, hai trăm bốn mươi ba triệu đồng), để thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ; chi tiết kinh phí tạm ứng cho từng đơn vị như phụ biểu đính kèm.

**Điều 2.** Giao Sở Tài chính theo dõi nguồn kinh phí Trung ương bổ sung cho tỉnh thực hiện Chương trình theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTg, để xử lý hoàn ứng cho ngân sách tỉnh. UBND các huyện, thị xã, thành phố làm thủ tục rút tạm ứng ngân sách tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để triển khai thực hiện. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố có trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện việc thanh, quyết toán đúng theo quy định tại Thông tư số 98/2013/TT-BTC ngày 24/7/2013 của Bộ Tài chính theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

Giao Sở Xây dựng khẩn trương phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội rà soát số lượng đối tượng thuộc diện được hỗ trợ về nhà ở trong Đề án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội thẩm tra làm cơ sở cho Bộ Tài chính bổ sung kinh phí cho địa phương theo Công văn số 901/BXD-QLN ngày 08/5/2014 của Bộ Xây dựng; thời gian thực hiện trước ngày 27/7/2014.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Lao động, Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký *đồng*

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh; *hct*
- Lưu: VT, VHXH, CN, TCTM (J 35b).

**CHỦ TỊCH**



*Hoàng Trọng Hải*  
**Hoàng Trọng Hải**





**PHỤ BIỂU TẠM ỨNG KINH PHÍ CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VỀ NHÀ Ở THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 22/2013/QĐ-TTg (PHẦN KINH PHÍ TRUNG ƯƠNG ĐẢM BẢO)**

(Kèm theo Quyết định số: 1669/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 của UBND tỉnh)

*Đvt: Triệu đồng*

| STT              | Huyện, thị xã, thành phố | Kinh phí tạm ứng | Trong đó   |  |
|------------------|--------------------------|------------------|--|--|
|                  |                          |                  | 50% còn lại nguồn ngân sách TW đảm bảo năm 2013 theo Đề án | Nguồn ngân sách TW đảm bảo cho số hộ đã triển khai xây dựng theo kế hoạch năm 2014 |
| 1                | Thành phố Buôn Ma Thuột  | 2.212            | 236  | 1.976  |
| 2                | Thị xã Buôn Hồ           | 152              |  | 152  |
| 3                | Huyện Ea H'Leo           | 629              | 591  | 38   |
| 4                | Huyện Ea Súp             | 2.066            | 128  | 1.938  |
| 5                | Huyện Krông Năng         | 156              | 118  | 38   |
| 6                | Huyện Krông Búk          | 231              | 98   | 133  |
| 7                | Huyện Buôn Đôn           | 670              | 670  |  |
| 8                | Huyện Cư M'gar           | 1.957            |  | 1.957  |
| 9                | Huyện Ea Kar             | 2.285            | 157  | 2.128  |
| 10               | Huyện M'Đrắk             | 766              | 177  | 589  |
| 11               | Huyện Krông Pắc          | 4.160            | 512  | 3.648  |
| 12               | Huyện Krông Ana          | 2.679            |  | 2.679  |
| 13               | Huyện Krông Bông         | 494              |  | 494  |
| 14               | Huyện Lắk                | 399              |  | 399  |
| 15               | Huyện Cư Kuin            | 1.387            |  | 1.387  |
| <b>Tổng cộng</b> |                          | <b>20.243</b>    | <b>2.687</b>   | <b>17.556</b>  |